TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày: 02-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải.

Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 584/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở số B, đường N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Đức Thạnh D, chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Vũ Hoàng Trung H. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh kiêm Trưởng phòng giao dịch (Vắng mặt).

(Theo Quyết định 3272/2022/QĐ-PL ngày 26-12-2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

- *Người được ủy quyền lại*: Bà Lê Thị Phương T. Chức vụ: CVQLTD và KSRR – Ngân hàng S (Có mặt).

Địa chỉ số F, đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Theo Giấy ủy quyền số 53/2023/GUQ – PGD Rạch Dừa ngày 22-6-2023)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Viết T1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ số B, đường L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày: Ngày 20-9-2017, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Viết T1 ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 356480-5336 -VS Cre Classic, loại thẻ JCB, theo đó, hai bên thỏa thuận hạn mức vay là 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng), ông T1 được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần; Lãi suất trong hạn là 2,766%/tháng; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, ông T1 còn phải chịu các khoản phí khác theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã rút tổng số tiền là 30.379.827đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.991.214đồng.

Sau đó, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T1 không thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 18.953.051đồng của ông T1 sang nợ gốc và tính lãi quá hạn kể từ ngày 31-3-2023. Đồng thời, Ngân hàng có đơn yêu cầu Tòa án buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 28.572.855 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng), trong đó, nợ gốc là 18.953.051đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 31-3-2023 đến ngày 01-4-2024 là 9.619.804đồng và lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Nguyễn Viết T1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không lý do.

3. Tại phiên tòa: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận tính đến ngày 01-4-2024, ông T1 còn nợ ngân hàng với tổng số tiền là 28.572.855đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng), trong đó, nợ gốc là 18.953.051đồng (Mười tám triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, không trăm năm mươi mốt đồng); nợ lãi quá hạn là 9.619.804đồng (Chín triệu, sáu trăm mười chín nghìn, tám trăm lẻ bốn đồng) nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T1 trả toàn bộ số tiền trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

4. Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu toàn bộ cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 20-9-2017, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Viết T1 ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân. Địa chỉ ông T1 cung cấp theo Hợp đồng tín dụng là số 225/3/13, đường L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay có tranh chấp xảy ra, Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại thời điểm ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng, bị đơn cung cấp địa chỉ cư trú tại nhà số B, đường L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án, bị đơn thay đổi địa chỉ không thông báo cho nguyên đơn biết, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định, bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường nơi địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc: Mặc dù hàng tháng đã được Ngân hàng N nhưng quá 03 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) liên tiếp ông T1 vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 31-3-2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 18.953.051đồng của ông T1 tại thời điểm này sang nợ gốc. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc nào là vi phạm Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ và vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 18.953.051đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu trả nợ lãi: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi trong hạn là 2,766%/tháng; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn (Mục 1.24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Từ thời điểm ngày 31-3-2023 đến ngày 01-4-2024 (xét xử sơ thẩm) là 367 ngày, ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ lãi quá hạn nào nên ông T1 còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là:

((18.953.051đồng x (2,766%/tháng x150%)):30ngày x 367 ngày = 9.619.804đồng

Từ phân tích [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên nguyên đơn đã chuyển nợ sang nợ gốc và tính lãi quá hạn đúng thời gian vi phạm, đúng các thoả thuận theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã cam kết và phù hợp với Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 28.572.855đồng, trong đó, nợ gốc là 18.953.051đồng; nợ lãi quá hạn là 9.619.804đồng. Đồng thời, kể từ ngày 02-4-2024, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Nguyễn Viết T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 28.572.855đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc là 18.953.051đồng (Mười tám triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, không trăm năm mươi mốt đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01-4-2024 là 9.619.804đồng (Chín triệu, sáu trăm mười chín nghìn, tám trăm lẻ bốn đồng)

Tính từ ngày 02-4-2024, bị đơn ông Nguyễn Viết T1 còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 356480-5336 cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Viết T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.428.642đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn, sáu trăm bốn mươi hai đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 500.000đồng (Năm trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001360 ngày 09-10-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thế Dũng